

Bản án số: 304/2025/HS-PT
Ngày 22-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị C và bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Thị C, sinh năm 1992 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau); nơi tạm trú: nhà trọ Hoàng Thị Thu H, tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và bà Trần Thị P, sinh năm 1960; bị cáo có chồng tên Lâm Văn T1, sinh năm 1985 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2/ Nguyễn Thanh N, sinh năm 1994 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau); nơi tạm trú: nhà trọ Hoàng Thị Thu H, tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và bà Trần Thị P, sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N là chị em và cùng làm công nhân tại Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty) tại khu công nghiệp N, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 14/11/2024, do không có tiền tiêu xài nên CóL rủ N lấy trộm cuộn thiếc dây không chì của Công ty để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì N đồng ý. Ngày 15/11/2024, trong lúc đang làm việc tại Công ty, N quan sát thấy không ai để ý nên lấy trộm 02 cuộn thiếc dây không chì bỏ vào trong hộc tủ cá nhân số 62 của CóL rồi báo cho CóL biết. Đến ngày 16/11/2024, N lấy trộm 02 cuộn thiếc dây không chì bỏ vào trong hộc tủ cá nhân của CóL và báo cho CóL biết. Sau khi hết giờ làm, CóL lấy 02 cuộn thiếc dây không chì do N để trong hộc tủ cá nhân số 62 của CóL rồi đem về cất giấu tại phòng trọ. Đến ngày 18/11/2024, CóL tiếp tục lấy 02 cuộn thiếc dây không chì còn lại đem về cất giấu tại phòng trọ.

Ngày 19/11/2024, N lấy trộm 02 cuộn thiếc dây không chì bỏ vào hộc tủ cá nhân của CóL và báo cho CóL biết, sau khi tan ca làm CóL lấy 02 cuộn thiếc dây không chì đưa về cất giấu tại phòng trọ.

Ngày 20/11/2024, N lấy trộm 02 cuộn thiếc dây không chì bỏ vào hộc tủ cá nhân của CóL và báo cho CóL biết nhưng vào ngày này CóL không lấy 02 cuộn thiếc do N trộm đem về mà vẫn để lại trong tủ đồ của CóL.

Đến sáng ngày 21/11/2024, CóL đưa 06 cuộn thiếc dây không chì bán cho người phụ nữ mua ve chai (không rõ lý lịch, địa chỉ) với giá 120.000 đồng/cuộn, tổng cộng số tiền 06 cuộn là 720.000 đồng. Sau khi bán xong, CóL đi làm tại Công ty như thường ngày. Cùng ngày 21/11/2024, trong lúc làm việc tại Công ty N1 tiếp tục lấy trộm 02 cuộn thiếc dây không chì bỏ vào trong hộc tủ cá nhân của CóL rồi báo cho CóL biết. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, CóL tan ca làm rồi đến hộc tủ cá nhân của CóL (tủ số 62) lấy 04 cuộn thiếc dây không chì bỏ vào trong bọc nylon cùng với đồ dùng cá nhân mang đi. Khi CóL đi ra đến cổng Công ty thì bị bảo vệ kiểm tra phát hiện, lập biên bản và báo cho Công ty thu giữ 04 cuộn thiếc dây không chì.

Ngày 22/11/2024, Công ty đến Đoàn Công an khu công nghiệp N2 trình báo sự việc. Đoàn Công an khu Công nghiệp N2 tiếp nhận nhận nguồn tin, lập hồ sơ, tạm giữ vật chứng của vụ án gồm: 04 cuộn thiếc dây không chì nhãn hiệu WSD, mỗi cuộn nặng 01kg. Sau đó, Đoàn Công an Khu công nghiệp N2 chuyển hồ sơ, vật chứng thu giữ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N2 thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 238/KL-HĐĐGTS ngày 04/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 10 cuộn thiếc dây không chì, nhãn hiệu WSD, mỗi cuộn nặng 01kg có tổng trị giá 8.801.900 đồng (880.190 đồng/01 cuộn).

Đối với 06 cuộn thiếc dây không chì mà CóL và N trộm cắp vào các ngày 15/11/2024, 16/11/2024, 19/11/2024, quá trình điều tra xác định ngày 21/11/2024 Nguyễn Thị C đã bán cho người thu mua dạo ve chai, phế liệu (không rõ lý lịch, địa chỉ) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N2 không thu hồi được.

Đối 04 cuộn thiếc dây không chì CóL và N trộm cắp ngày 21/11/2024 bị thu giữ, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N2 đã trả lại cho Công ty.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Công ty đã nhận lại được 01 phần tài sản bị chiếm đoạt và được bồi thường số tiền 5.281.140 đồng và không yêu cầu bồi thường gì khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo phải liên đới tiếp tục bồi thường thêm số tiền 2.060.000 đồng và được các bị cáo tự nguyện chấp nhận.

Cáo trạng số 114/CT-VKSTU ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C và bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp, bởi lẽ các bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản của Công ty TNHH G là các cuộn thiết dây không chì, mỗi lần các bị cáo chỉ trộm 02 cuộn, đơn giá mỗi cuộn thiết dây không chì theo kết luận của Hội đồng định giá là 880.190 đồng/cuộn nên trị giá tài sản trong mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp của các bị cáo là 1.760.830 đồng, dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng đối với các bị cáo. Chỉ có lần thứ 4 (chiếm đoạt 04 cuộn) mới đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, Tòa cấp sơ thẩm tuyên xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp. Do đó, có cơ sở xem xét một phần kháng cáo của các bị cáo về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có cơ sở xem xét kháng cáo của các bị cáo về phần hình phạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Các bị cáo không ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Từ ngày 15/11/2024 đến ngày 21/11/2024, các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N đã 04 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH G với tổng số 10 cuộn thiếc dây không chì, cụ thể: Lần thứ nhất ngày 15/11/2024 là 02 cuộn thiếc dây không chì; lần thứ hai ngày 16/11/2024 là 02 cuộn thiếc dây không chì; lần thứ ba ngày 19/11/2024 là 02 cuộn thiếc dây không chì; lần thứ tư ngày 21/11/2024 là 04 cuộn thiếc dây không chì thì bị bắt quả tang (giá trị 04 cuộn chì là 3.520.760 đồng); mỗi cuộn có khối lượng 01 kg, trị giá 880.190 đồng/cuộn. Tài sản mà các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N đã trộm cắp trong 04 lần có tổng giá trị là 8.801.900 đồng. Như vậy, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; một phần tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, đồng thời đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; các bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng; các bị cáo là công nhân nghèo và đang nuôi con nhỏ; chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên, 03 lần đầu các bị cáo chiếm đoạt mỗi lần 02 cuộn thiếc dây không chì x 880.190 đồng/cuộn = 1.760.380 đồng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là không đúng quy định. Do đó, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, không cần phải chấp hành hình phạt tù mà bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án số 94/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn

Thanh N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm là không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Các phân quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) về hình phạt.

1.1 Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22 tháng 7 năm 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22 tháng 7 năm 2025).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Thanh N không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM (cơ sở 2);
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - TP. HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - TP. HCM);
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức